

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TIẾP CẬN CHUẨN NĂNG LỰC VÀ ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG SAU NĂM 2018

NGUYỄN VĂN THẮNG*

Ngày nhận bài: 18/09/2016; ngày sửa chữa: 19/09/2016; ngày duyệt đăng: 20/09/2016.

Abstract: In the context of granting autonomy to universities, education curriculum post 2018 under competency standards approach requires proper changes to meet demands of society on human resources. In the article, author mentions some basic definitions on building school curriculum and proposes measures to design education program under competence standard approach for high schools in accordance with current education trend.

Keywords: Curriculum, competence standard approach, teachers training.

1. Bối cảnh thực tiễn

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã có các định hướng cơ bản như: Coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực (NL) của người học; Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo; Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; Tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo, coi trọng quản lý chất lượng; Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong GD-ĐT...

Luật Giáo dục Đại học có hiệu lực năm 2013 thể hiện quan điểm Bộ GD-ĐT không quy định chương trình khung như trước đây mà chỉ quy định thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về NL mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Chương trình giáo dục Phổ thông Quốc gia sau năm 2015 đã chính thức công bố là chương trình giáo dục theo cách tiếp cận NL.

Bối cảnh trên là ra cơ sở pháp lý và thực tiễn để các trường Đại học có đào tạo giáo viên chủ động thiết kế chương trình đào tạo phù hợp và mang đặc điểm khác biệt.

2. Một số khái niệm cơ sở

- *Phát triển chương trình đào tạo*: Là quá trình điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, làm mới toàn bộ hoặc một số thành tố của chương trình đào tạo, bảo đảm khả

năng phát triển và ổn định tương đối của chương trình đào tạo đã có, nhằm làm cho việc triển khai chương trình theo mục tiêu đào tạo đặt ra đạt được hiệu quả tốt nhất, phù hợp với đặc điểm và nhu cầu phát triển của xã hội và phát triển của cá nhân người học. Phát triển chương trình bao gồm xây dựng chương trình, đánh giá, chỉnh sửa và hoàn thiện chương trình.

- *NL*: Là khả năng thực hiện thành công hoạt động trong một bối cảnh nhất định nhờ sự huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... NL của cá nhân được đánh giá qua phương thức và kết quả hoạt động của cá nhân đó khi giải quyết các vấn đề của cuộc sống. NL được chia thành NL chung, NL chuyên biệt. NL chung là NL cơ bản, thiết yếu, nền tảng mà bất kì một người nào cũng cần có để sống, học tập và làm việc, ví dụ NL tư duy, NL giao tiếp, NL giải quyết vấn đề,... NL chuyên biệt là NL chuyên sâu, riêng biệt trong các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp đặc thù, ví dụ NL thiết kế và thực hiện hoạt động dạy học của người giáo viên, NL thí nghiệm sinh học để kiểm chứng giả thuyết của người nghiên cứu sinh học,...

- *Chương trình truyền thống (chương trình tiếp cận nội dung)*: xuất phát từ quan niệm đào tạo là quá trình truyền thụ những kiến thức mà tất cả mọi người cần và có thể biết (cách tiếp cận mục tiêu). Trong đó nội dung khoa học của một môn học được tích phân thành các phân tử theo quan hệ logic, chặt chẽ của khoa học đó, việc thực hiện phân tử trước là điều kiện

* Trường Đại học Sài Gòn

để triển khai phần tử tiếp sau. Đặc trưng của chương trình này là tính khuôn mẫu chặt chẽ về logic tuyến tính của nội dung: Chương 1 -> Chương 2 -> Chương 3 ->..., trong mỗi chương có bài 1 -> bài 2 -> bài 3 ->... Xây dựng chương trình theo dạng này phù hợp với các nội dung học tập trong đó hệ thống tri thức khoa học có logic, chặt chẽ, tường minh và là hệ thống phát triển.

- *Chương trình tiếp cận NL*: Chương trình thường chú ý tới sự thúc đẩy phát triển NL, phát triển tối đa tiềm năng NL của mỗi cá nhân trong các tình huống của cuộc đời, của nghề nghiệp, chương trình thường chú trọng vào việc dạy cách học hơn là truyền thụ kiến thức khoa học đơn thuần. Như vậy, chương trình theo hướng này chú ý tới sự chủ động, sự phát triển nhân cách.

- *Chương trình tiếp cận chuẩn năng lực (CNL)*: Là sự kết hợp cả hai cách tiếp cận trên, vừa chú ý đến CNL tức là hệ thống tri thức, kĩ năng, thái độ làm cơ sở phát triển NL (mục tiêu đào tạo), vừa đáp ứng được các nhu cầu về dạy học phát triển NL. Cấu trúc chương trình theo CNL cho phép người học có được một hệ thống các NL nghề nghiệp sau khi học xong khoá học, đồng thời phát triển tối đa tiềm năng sẵn có trong mỗi cá nhân, nhu cầu cá nhân, tính chủ động, linh hoạt trong các tình huống nghề nghiệp. Chương trình CNL tạo cơ hội cho người học học thường xuyên, suốt đời theo nhu cầu và điều kiện của mình.

3. Phát triển chương trình đào tạo giáo viên (CTĐTGV) trung học phổ thông tiếp cận CNL

3.1. Ý nghĩa của chương trình theo CNL:

- Chương trình đào tạo theo CNL đã và đang hiện hữu như một xu hướng tất yếu của nhà trường trong mọi cấp học. Mục tiêu của chương trình theo CNL là mọi người qua đào tạo đều có thể đạt được một mức NL cao nhất họ có thể; - Đào tạo theo chương trình CNL có ý nghĩa tiên đề và cốt yếu đảm bảo chất lượng đào tạo; - Đào tạo theo chương trình CNL đáp ứng nhu cầu xã hội, có tính liên thông quốc tế.

3.2. Xây dựng chương trình đào tạo theo CNL:

- *Xuất phát từ nhu cầu xã hội xác định NL cần đào tạo*: Chương trình đào tạo theo CNL đòi hỏi phải mang lại sự tương thích với nhu cầu xã hội liên quan đến ngành nghề đào tạo. Xuất phát từ nhu cầu xã hội về nghề nào đó dẫn đến quyết định có tổ chức hay không tổ chức khóa đào tạo và xây dựng chuẩn đầu ra theo những NL mong muốn. Từ chuẩn đào tạo, xác định nội dung chương trình đào tạo, chương trình đào tạo

ấy sẽ tạo ra NL cho người học theo chuẩn và theo nhu cầu xã hội.

- *Chương trình cho phép có những lựa chọn linh hoạt và chủ động*: Với quan điểm đào tạo dựa theo NL và nhu cầu của người học cho phép phát triển một tiến trình cá thể hóa cao độ. Trong chương trình theo CNL, người học có cơ hội xem xét và chọn lựa các nội dung và phương pháp học tập nhằm đạt được các NL mong đợi cho mình.

- *Đánh giá tập trung vào NL người học và vì NL của người học*: Đánh giá trong chương trình theo CNL không có nghĩa là loại người học ra ngoài khóa đào tạo mà là đánh giá để người học xem xét mình đã đạt được các NL mong muốn chưa, so với chuẩn đào tạo người học đạt đến mức độ nào, nếu chưa đạt người học cần phấn đấu hơn nữa hay xem xét lại phương pháp học tập của mình.

3.3. Phát triển CTĐTGV trung học phổ thông theo chương trình CNL:

Bước 1. Phân tích nhu cầu xã hội về giáo viên trung học: Phải sử dụng tất cả các công cụ có thể thu thập thông tin, thu thập dữ liệu; Sử dụng các phương pháp thu thập số liệu (câu hỏi điều tra, quan sát, ý kiến cơ quan ngành...); Phân tích số liệu và xác định nhu cầu cần đào tạo. Kết quả bước 1 dùng để ra quyết định tổ chức đào tạo, quy mô đào tạo hay không đào tạo.

Bước 2: Xác định NL cốt lõi nghề giáo viên trung học phổ thông: Một người giáo viên dạy học cấp Trung học phổ thông có những NL gì để tác nghiệp, các NL cần xác định thật rõ ràng và có thể đo lường được. Theo chúng tôi, hiện nay NL người giáo viên giảng dạy ở cấp học Trung học phổ thông bao gồm 2 nhóm cơ bản:

- *Nhóm NL chung*: NL này là NL chung cho mọi ngành nghề trong đó có nghề dạy học cấp Trung học phổ thông, bao gồm: *NL bản thân* (NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL tư duy, NL quản lí...); *NL về quan hệ xã hội* (NL giao tiếp, NL hợp tác, NL đàm phán...); *NL công cụ* (NL sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong, NL sử dụng ngôn ngữ truyền đạt,...).

- *Nhóm NL nghề dạy học cấp Trung học phổ thông*. Ví dụ giáo viên Trung học phổ thông thuộc lĩnh vực Khoa học tự nhiên cần có NL về lĩnh vực này như sau:

+ *Nhóm NL chuyên môn*: có kiến thức sâu rộng về Vật lí, Hóa học, Sinh học; Kĩ năng giải bài tập Vật lí, Hóa học, Sinh học; kĩ năng tổ chức thực hành thí nghiệm trong các phân môn này...

+ *Nhóm NL nghiệp vụ:* 1) NL giáo dục (theo nghĩa hẹp): Tập trung được sự chú ý của học sinh, thuyết phục và cảm hóa, xây dựng động cơ học tập, rèn luyện ý chí vươn lên trong học tập của học sinh cấp học Trung học phổ thông...; NL chẩn đoán nhu cầu, nhận diện các đặc điểm tâm lý của học sinh cấp học này...2) NL giảng dạy: * NL thiết kế kế hoạch dạy học: nghiên cứu mục tiêu, nội dung chương trình cấp học, lớp học, đối tượng người học, điều kiện học tập và giảng dạy để lập ra kế hoạch dạy học hoàn hảo; * NL thiết kế bài dạy: phân tích cấu trúc nội dung bài dạy; xác định mục tiêu bài dạy; xác định nội dung và phương pháp kiểm tra, đánh giá; xác định kiến thức/nguồn tài liệu cho bài dạy; sử dụng phương tiện dạy học; sử dụng phương pháp dạy học; xây dựng giáo án; * NL thể hiện bài dạy: Tác phong sư phạm, NL trình bày, kỹ năng viết bảng, sử dụng ngôn ngữ,...; * NL đánh giá kết quả dạy học: NL thiết kế công cụ đánh giá (nội dung, hình thức bài kiểm tra...); NL phân tích các số liệu trong kiểm tra; NL ghi điểm (lượng hóa kết quả bằng điểm), nhận xét và đánh giá...

Việc xác định NL cốt lõi nghề giáo viên Trung học phổ thông cần phải phân tích và xác định hết sức tường minh vì nó sẽ làm tiền đề cho xây dựng chuẩn đầu ra và xây dựng chương trình đào tạo.

Bước 3: Xác định CNL cho người học khi hoàn thành khóa học (chuẩn đầu ra theo NL)

Chuẩn đầu ra theo NL làm tiêu điểm hướng tới của tất cả các yếu tố cấu thành chương trình giáo dục như: nội dung, phương thức, hình thức dạy học, giáo dục; kiểm tra - đánh giá, quản lý, kiểm định chất lượng; kế hoạch giáo dục; mô hình hoạt động của nhà trường; khóa đào tạo, hoạt động giảng dạy, biên soạn tài liệu học tập.

Xác định CNL đầu ra cho CTĐTGV phải dựa vào chuẩn nghề nghiệp. Tuy nhiên, chuẩn nghề nghiệp giáo viên (CNNGV) có khác với chuẩn đầu ra của ngành đào tạo giáo viên, CNNGV chủ yếu mô tả sản phẩm của hành động tác nghiệp, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm lại cần mô tả cấu trúc tri thức nghề nghiệp với các chỉ báo kiến thức, kỹ năng thực hiện hành động. Sự khác nhau đó cho thấy nếu dựa vào cách mô tả CNNGV thì không đủ tường minh cho việc thiết kế quá trình đào tạo, biên soạn giáo trình, tài liệu giáo khoa, công cụ kiểm tra, đánh giá. CTĐTGV được thiết kế cần cho việc đào tạo hội đủ các yếu tố cấu thành phẩm chất, NL nghề nghiệp giáo viên. Muốn vậy, chuẩn đầu ra phải mô tả tường

minh để khi soạn chương trình có thể dựa vào đó mô tả cụ thể các nội dung, phương pháp, hình thức... đào tạo, kiểm tra - đánh giá. Cơ sở xác định chuẩn đầu ra NL của CTĐTGV phải dựa vào phân tích NL cốt lõi của nghề giáo viên ở bước 2.

Bước 4: Xây dựng nội dung chương trình. Từ kết quả của bước 2, bước 3 thiết kế ma trận các chủ đề cốt lõi, mối quan hệ logic giữa các chủ đề đó (mỗi chủ đề cốt lõi tương ứng với NL cốt lõi của nghề giáo viên). Các chủ đề cốt lõi được thể hiện dưới dạng các module hay đơn vị kiến thức tương ứng với các chuẩn kiến thức, NL đầu ra. Khi xác định các module, đơn vị kiến thức cần phải đảm bảo: vừa có tính độc lập, vừa có tính liên kết; Độ lớn của module (tùy thuộc vào nội dung, số lượng công việc học viên phải thực hiện, mục tiêu NL thành phần...) được thể hiện thời gian học tập của người học: một tuần, một học kỳ, một năm...; Mối liên hệ các module (theo không gian, thời gian); Tính linh hoạt lựa chọn của module, đặc tính này để học viên có cơ hội lựa chọn về nội dung, phương pháp hoạt động cho phép họ đạt được NL mong đợi và việc lựa chọn này phải tuân theo nguyên tắc được quy định theo chương trình; Công việc đánh giá kết quả học tập của mỗi module phải riêng biệt và theo CNL thành phần của module.

Sau khi đã có hệ thống các module đáp ứng các CNL, việc tiếp theo là thiết kế các module thành hệ thống việc làm, các việc làm phải hướng đến các nhiệm vụ xác định nhằm đạt chuẩn đầu ra chung, phải đảm bảo người học tham gia được đầy đủ các công việc đề ra, tích hợp nhiều nhiệm vụ và gắn liền với thực tiễn...

Bước 5: Xây dựng phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập của người học theo chuẩn đã xây dựng:

- *Đánh giá với tư cách là một thành tố trong quá trình dạy học* và nó có ý nghĩa trong quá trình dạy học, quản lý, đào tạo, xã hội...

Đối với người học trong quá trình học, đánh giá cho phép người học với tư cách là người hoạt động chiếm lĩnh tri thức, hình thành NL kiểm tra lại những tri thức đã thu lượm được trong quá trình theo đuổi mục tiêu học. Một việc kiểm tra như vậy trở thành tấm gương soi hiệu năng người học, họ có thể biết là mình thành công hay không trong việc học và đến mức nào thì đạt được đích trong chặng đường của mình. Điều này kéo theo sự điều tiết hoặc định hướng về việc học tập hay phương pháp tiến hành học tập của người học.

Đối với người dạy, đánh giá cho phép người dạy với tư cách là người tổ chức hướng dẫn trong quá trình dạy học dự đoán những điểm mạnh, điểm yếu của người học, tránh dạy lại hoặc giảng dạy những điều đã biết hay quá dễ đối với người học, giáo viên có cơ hội khắc phục những yếu kém của người học, giám sát sự tiến bộ của người học, sự tiến bộ của người học có tương xứng với mục tiêu đã đề ra không. Đánh giá giúp giáo viên có cơ sở xếp loại người học, xác định tính hiệu quả của chương trình học, cung cấp thông tin cho các nhà quản lí, những người thiết kế chương trình, khẳng định với xã hội về chất lượng và hiệu quả giảng dạy, hỗ trợ đánh giá giáo viên thông qua kết quả giảng dạy của họ...

- *Đánh giá với tư cách là công cụ đo lường kết quả trong dạy học* thì nó phụ thuộc vào các yếu tố như mục đích đo, thước đo, số đo, cách đo, hoàn cảnh đo, người đo... Cùng một thước đo, hoàn cảnh đo, số đo, nhưng phương pháp đo khác nhau thì kết quả đo sẽ khác nhau. Do vậy, chúng ta phải có sự thống nhất trong xây dựng đề kiểm tra, thi, thang điểm và cách chấm.

Theo chúng tôi, để thống nhất trước tiên ta phải có những nguyên tắc trong quá trình đánh giá:

+ Có các khái niệm rõ ràng về các kết quả học tập dự định đánh giá (mong muốn người học đạt được những kiến thức và kĩ năng nào, phân bậc các kiến thức và kĩ năng đó, điều này căn cứ vào chuẩn đầu ra của chương trình dạy học).

+ Xây dựng các dạng thức đánh giá khác nhau để loại trừ nhược điểm của từng dạng thức (những dạng thức đánh giá: vấn đáp, trắc nghiệm tự luận, trắc nghiệm khách quan...).

+ Dạng thức đánh giá phải phù hợp kết quả học tập dự định đo lường với các thông tin dự định phản hồi với người học.

+ Số lượng câu hỏi bài tập thích hợp để đánh giá đầy đủ chính xác nhận thức của người học.

+ Quá trình đánh giá phải công bằng với mọi người học.

+ Có các tiêu chí cụ thể để phân tích lí giải các kết quả đạt được của người học.

+ Có thông tin phản hồi cho người học, nhấn mạnh những điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu cần khắc phục. Thông tin phản hồi cần phải nhanh chóng, cụ thể, chỉ rõ điểm mạnh điểm yếu cách khắc phục có thiện chí.

+ Phải tuân thủ những quy chế pháp lí hiện hành.

Xây dựng chương trình đào tạo dựa trên sự kết hợp giữa bộ CNL mạnh cùng hệ thống kiểm tra, đánh giá chuẩn xác và sự đa dạng của chương trình đào tạo theo CNL nhất định sẽ đào tạo ra được những người có NL nghề nghiệp thật sự.

Với những thay đổi của hệ thống văn bản pháp quy, thực tế đào tạo của nước nhà, việc phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CNL là xu hướng tất yếu và tiền đề để nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó phát triển bền vững GD-ĐT.

CTĐTGV trung học phổ thông tiếp cận CNL có vai trò tiền đề và quyết định trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về lâu dài. □

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT. *Mục tiêu và chuẩn chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015*.

[2] Bộ GD-ĐT (2015). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (dự thảo)*.

[3] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu tập huấn cấp Trung học phổ thông*.

[4] Đinh Quang Báo (2013). *Các vấn đề chung về phát triển chương trình nhà trường*. Tham luận hội nghị về chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015.

[5] Bộ GD-ĐT (2010). *Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo*.

[6] Thủ tướng Chính phủ (2014). *Điều lệ trường Đại học* (ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ).

KÍNH MỜI BẠN ĐỌC ĐẶT MUA TẠP CHÍ GIÁO DỤC NĂM 2016

Tạp chí Giáo dục ra mỗi tháng 02 kì, đặt mua tại các bưu cục địa phương (**Mã số C192**) hoặc đặt mua trực tiếp tại Tòa soạn (số lượng lớn) theo địa chỉ: **TẠP CHÍ GIÁO DỤC, 4 Trịnh Hoài Đức, quận Đống Đa, Hà Nội**.

Kính mời bạn đọc, các đơn vị giáo dục, trường học đặt mua **Tạp chí Giáo dục năm 2016**. Mọi liên hệ xin gửi về địa chỉ trên hoặc liên lạc qua số điện thoại: 04.37345363; Fax: 04.37345363.

Xin trân trọng cảm ơn.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC